

**THE LEVEL OF DIFFICULTIES IN
PROFESSIONAL ACTIVITIES OF NEW
PRIMARY SCHOOL TEACHERS IN
THE SOUTHEAST REGION**

Trinh Thi Cam Tuyen

*Faculty of Social Development Management,
Thu Dau Mot University,*

Binh Duong province, Viet Nam

Corresponding author: Trinh Thi Cam Tuyen,
e-mail: tuyenttc@tdmu.edu.vn

Received December 16, 2024.

Revised February 26, 2025.

Accepted March 21, 2025.

**MỨC ĐỘ KHÓ KHĂN TRONG HOẠT
ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO
VIÊN TIỂU HỌC MỚI VÀO NGHỀ
VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

Trịnh Thị Cẩm Tuyền

*Khoa Quản lí Phát triển Xã hội,
Trường Đại học Thủ Dầu Một,*

tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Trịnh Thị Cẩm Tuyền,
e-mail: tuyenttc@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 16/12/2024.

Ngày sửa bài: 26/2/2025.

Ngày nhận đăng: 21/3/2025.

Abstract. This study aims to clarify the concept of difficulties of new teachers and identify the main groups of difficulties that new primary school teachers often encounter in their professional activities. Specifically, five groups of difficulties were identified: (1) Difficulties in learning about the profession, (2) Difficulties in performing teaching tasks, (3) Difficulties in performing student education tasks, (4) Difficulties in communicating with work relationships, and (5) Difficulties in self-improvement. The survey was conducted with 394 new primary school teachers in the Southeast region of Vietnam. Results indicated that the difficulty level in the five groups of difficulties was moderate and showed a decreasing trend with increased years of experience. Additionally, teachers working in cities and towns reported a higher level of difficulty compared to their counterparts in rural regions. No significant differences were found concerning gender or university ranking. The novelty of the study is to provide empirical data on the level of difficulty faced by new primary school teachers in the Southeast region and to propose recommendations to support them in their early career development.

Keywords: Southeast, primary school teacher, difficulty, level, profession.

Tóm tắt. Nghiên cứu này nhằm làm rõ khái niệm về khó khăn của giáo viên mới vào nghề và xác định các nhóm khó khăn chính mà giáo viên tiểu học mới vào nghề thường gặp trong hoạt động nghề nghiệp. Cụ thể, năm nhóm khó khăn được xác định gồm: (1) Khó khăn trong việc tìm hiểu về nghề, (2) Khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ dạy học, (3) Khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh, (4) Khó khăn khi giao tiếp với các mối quan hệ trong công việc, và (5) Khó khăn trong việc tự bồi dưỡng bản thân. Kết quả khảo sát 394 giáo viên tiểu học mới vào nghề tại vùng Đông Nam Bộ cho thấy mức độ khó khăn của họ về năm nhóm khó khăn ở mức trung bình và có xu hướng giảm dần theo số năm công tác. Đồng thời, giáo viên công tác tại thành phố và thị xã có mức độ khó khăn cao hơn so với giáo viên ở khu vực nông thôn. Đối với biến số giới tính, kết quả xếp loại đại học, mức độ khó khăn của giáo viên tiểu học không có sự khác biệt. Điểm mới của nghiên cứu là cung cấp dữ liệu thực tiễn về mức độ khó khăn của giáo viên tiểu học mới vào nghề tại vùng Đông Nam Bộ và đề xuất các khuyến nghị nhằm hỗ trợ cho giáo viên tiểu học mới vào nghề.

Từ khóa: Đông Nam Bộ, giáo viên tiểu học, khó khăn, mức độ, nghề nghiệp.

1. Mở đầu

Khái niệm giáo viên mới vào nghề xuất hiện trong nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài và trong nước với các thuật ngữ như: “Giáo viên trẻ” (Polyakova, 1983) [1]; Nguyễn Thúy Bình, 1984 [2]; A.V. Fedorenko, 2010) [3]; “giáo viên mới” (S. Moore Johnson, 2004) [4]; “giáo viên mới bắt đầu” (S. Veenman, 1984) [5]; “giáo viên mới làm quen” (Feiman – Neser, 2001) [6], v.v... Điểm chung giữa các tác giả khi nghiên cứu về giáo viên mới vào nghề đều cho rằng giáo viên mới vào nghề những người vừa bắt đầu sự nghiệp giảng dạy và chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế (dưới 5 năm công tác).

Theo S. Veenman (1984), giai đoạn sinh viên chuyển từ môi trường học tập sang môi trường làm việc sẽ gặp cú sốc thực tiễn, đó là sự không phù hợp giữa kiến thức lí thuyết được học với yêu cầu thực tế của công việc, đòi hỏi giáo viên mới vào nghề cần tích cực, chủ động tìm cách khắc phục các khó khăn. Từ đó, tác giả cho rằng khó khăn là những vấn đề gây cản trở công việc mà giáo viên mới vào nghề gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [5]. Kế thừa quan điểm này, chúng tôi cho rằng khó khăn của giáo viên mới vào nghề được hiểu là những trở ngại xuất phát từ hoàn cảnh, điều kiện làm việc, yêu cầu của công việc và từ phía chủ quan của giáo viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đòi hỏi giáo viên phải vượt qua để tiếp tục sự nghiệp của mình.

Có nhiều nghiên cứu tập trung làm rõ những khó khăn mà giáo viên mới vào nghề thường gặp phải trong hoạt động nghề nghiệp. Cụ thể như sau:

Năm 1984, S. Veenman từ chỗ phân tích các nghiên cứu trước đây về những khó khăn mà giáo viên mới vào nghề đã khái quát thành 8 nhóm khó khăn phổ biến nhất, đó là quản lí nề nếp, kỷ luật lớp học; thúc đẩy học sinh hứng thú học tập; giải quyết các vấn đề mang tính khác biệt cá nhân của từng học sinh; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; giao tiếp với phụ huynh học sinh; tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục học sinh trên lớp; thiếu tài liệu và đồ dùng giảng dạy và giáo dục học sinh cá biệt [5]. Bên cạnh đó, theo A.K. Markova (1993) có hai nhóm khó khăn nảy sinh trong công việc của một người giáo viên mới vào nghề là: (1) Khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ dạy học; (2) Khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ giáo dục [7]. Tương tự, O. Nikolskaya (2000) cũng xác định bốn nhóm khó khăn trong hoạt động sư phạm của giáo viên trẻ đó là: khó khăn trong việc đổi mới phương pháp dạy học; khó khăn trong việc hiểu và vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin; khó khăn trong việc tổ chức quá trình giáo dục; khó khăn cá nhân (tư duy cứng nhắc, tầm nhìn hạn chế) [8]. Theo Bryan Goodwin (2012) có tới 15% GV mới vào nghề bỏ nghề sau năm đầu tiên làm việc vì có quá nhiều khó khăn nảy sinh như công việc quá tải [9]. Liên quan đến khó khăn này, khảo sát do Hiệp hội giáo viên Quốc gia thực hiện ở Anh vào năm 2017 cũng cho thấy một nửa số giáo viên được khảo sát ở độ tuổi dưới 35 tuổi có kế hoạch sẽ nghỉ việc trong vòng 5 năm tới vì khối lượng công việc quá lớn [10]. Tương tự, ở Bỉ, khối lượng công việc là nguyên nhân đầu tiên giải thích cho việc giáo viên bỏ việc khi mới bắt đầu sự nghiệp với tỉ lệ 25 đến 30% GV ở năm đầu tiên và lên đến 50% sau 5 năm làm việc [11]. Khó khăn tiếp đến được Bryan Goodwin (2012) đề cập liên quan đến việc quản lí lớp học. Một cuộc khảo sát Public Agenda năm 2004 cho thấy 85% giáo viên tin rằng “giáo viên mới không được chuẩn bị để giải quyết các vấn đề về hành vi của học sinh trong lớp học của họ, giáo viên có ba năm làm việc hoặc ít hơn trong công việc có khả năng nói rằng hành vi của học sinh là một vấn đề trong lớp học của họ cao hơn gấp đôi so với giáo viên có nhiều kinh nghiệm [9]. Từ kết quả nghiên cứu ở nước ngoài cho thấy giáo viên mới vào nghề phải đối mặt với nhiều khó khăn trong giảng dạy và giáo dục, bao gồm quản lí lớp học, đổi mới phương pháp, khối lượng công việc lớn và áp lực nghề nghiệp, dẫn đến tỉ lệ bỏ nghề cao trong những năm đầu tiên.

Ở nước ta, Nguyễn Thị Thanh Nga (2022) cho rằng khó khăn của giáo viên tiểu học mới vào nghề trong hoạt động dạy học bao gồm: (1) Khó khăn trong khâu chuẩn bị cho hoạt động dạy; (2) Khó khăn trong khâu tổ chức hoạt động dạy học trên lớp; (3) Khó khăn trong hoạt động kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học sinh [12]. Đối với giáo viên mới vào nghề ở các trường đại học thì cũng gặp phải những khó khăn liên quan đến điều kiện làm việc như thiếu cơ sở vật chất,

thiết bị dành cho giảng dạy và nghiên cứu, chưa có sự hỗ trợ về tài chính, thiếu thời gian cho nghỉ ngơi, thiếu sự hỗ trợ chuyên môn từ đồng nghiệp giàu kinh nghiệm (Nguyễn Thùy Lâm, 2022) [13]. Điều này cho thấy rằng không chỉ giáo viên mới vào nghề ở bậc tiểu học còn cả giảng viên mới vào nghề ở đại học đều phải đối mặt với nhiều khó khăn trong giảng dạy, từ công tác chuẩn bị, tổ chức, đánh giá học tập đến điều kiện làm việc, cơ sở vật chất, tài chính và hỗ trợ chuyên môn.

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trên thế giới và ở trong nước, dựa trên Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT [14] về chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, chúng tôi xác định năm nhóm khó khăn chính mà giáo viên tiểu học mới vào nghề có thể gặp phải là: (1) Khó khăn trong việc tìm hiểu về nghề: Thiếu kinh nghiệm thực tiễn, chưa hiểu rõ các yêu cầu và quy định nghề nghiệp; (2) Khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ dạy học: Bao gồm chuẩn bị bài giảng, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá học sinh; (3) Khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh: Xây dựng kỷ luật lớp học, quản lý học sinh, giáo dục học sinh chưa ngoan; (4) Khó khăn trong giao tiếp với các mối quan hệ trong công việc: Gặp trở ngại trong việc tương tác với đồng nghiệp, phụ huynh và học sinh; (5) Khó khăn trong tự bồi dưỡng bản thân: Chưa có phương pháp tự học hiệu quả, gặp khó khăn trong phát triển chuyên môn và nâng cao kỹ năng dạy học.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về khó khăn của giáo viên mới vào nghề trên thế giới và tại Việt Nam, nhưng chưa có công trình nào làm rõ mức độ biểu hiện cụ thể của những khó khăn này đối với giáo viên tiểu học mới vào nghề tại vùng Đông Nam Bộ. Trong khi đó, đây là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, bao gồm các tỉnh, thành phố như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước, nơi nền kinh tế phát triển mạnh mẽ kéo theo những yêu cầu đổi mới không ngừng trong lĩnh vực giáo dục như sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ thông tin và phương pháp giảng dạy; sự đa dạng về văn hóa và trình độ của học sinh; áp lực từ yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục,... Do đó, nghiên cứu này tập trung vào khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề tại các tỉnh vùng Đông Nam Bộ. Cụ thể, nghiên cứu tập trung vào việc trả lời các câu hỏi sau: (1) Những khó khăn mà giáo viên tiểu học mới vào nghề tại vùng Đông Nam Bộ gặp phải trong hoạt động nghề nghiệp là gì? (2) Mức độ biểu hiện của các khó khăn này như thế nào? Thông qua việc làm rõ các vấn đề trên, nghiên cứu không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn cho các chính sách hỗ trợ giáo viên mới vào nghề trong giai đoạn đầu sự nghiệp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát chung về khảo sát

Trong nghiên cứu này, mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, đảm bảo tính đại diện và khách quan. Cụ thể: Tổng thể nghiên cứu là 394 giáo viên tiểu học mới vào nghề (dưới 5 năm kinh nghiệm) tại các tỉnh, thành phố là TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước). Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3/2024 đến tháng 7/2024. Thông tin cụ thể về mẫu nghiên cứu như sau:

Bảng 1. Phân bố khách thể nghiên cứu (N=394)

Thông tin cá nhân		Số lượng	Tỉ lệ
Giới tính	Nam	129	32,7
	Nữ	265	67,3
Số năm công tác	Dưới 1 năm	82	20,8
	Từ 1 đến 3 năm	170	43,1
	Từ 3 đến 5 năm	142	36,0
Kết quả tốt nghiệp đại học	Xuất sắc	16	4,1

	Giỏi	56	14,2
	Khá	292	74,1
	Trung bình	30	7,6
Địa bàn trường công tác	Thành phố, thị xã	179	45,4
	Nông thôn	215	54,6

Như vậy có thể thấy, chúng tôi lựa chọn khảo sát khá cân đối giữa biến số địa bàn công tác, loại trường công tác và số năm vào nghề. Đối với biến số giới tính và kết quả tốt nghiệp đại học, có sự phân bố chưa đồng đều vì tính đặc thù của nghề giáo viên có số lượng nữ nhiều hơn nam và thực tế hiện nay sinh viên ngành sư phạm tiểu học ra trường có kết quả xếp loại khá chiếm tỉ lệ lớn hơn so với mức xếp loại còn lại. Bên cạnh đó, vì hầu hết khách thể được nghiên cứu là sinh viên sau tốt nghiệp nên có độ tuổi khá đồng đều là 100% đều dưới 35 tuổi, cho thấy tuổi đời của họ khá trẻ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để thu thập dữ liệu về thực trạng khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo về khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề như sau:

Bảng 2. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề (N=394)

Stt	Các mục hỏi	Tương quan biến – tổng (Corrected Item-Total Correlation)
1	Khó khăn trong việc tìm kiếm, nắm rõ các quy định của nhà trường tiểu học (chuẩn nghề nghiệp, điều lệ trường tiểu học, nội quy làm việc, quy chế chuyên môn,...)	0,694
2	Khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ dạy học (lập kế hoạch và triển khai bài dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh,...)	0,710
3	Khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh (lập kế hoạch và triển khai hoạt động giáo dục/công tác chủ nhiệm lớp, quản lí lớp học,...)	0,638
4	Khó khăn trong giao tiếp với học sinh, phụ huynh học sinh, đồng nghiệp, Ban giám hiệu,...	0,745
5	Khó khăn trong việc tự học, tự rèn luyện, bồi dưỡng các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp	0,671
Alpha của Cronbach (Cronbach's Alpha)		0,880

Theo Cristobal và cộng sự (2007), một thang đo tốt khi các biến quan sát có giá trị tương quan biến – tổng (Corrected Item – Total Correlation) từ 0,3 trở lên [15]. Do đó, 5 biến quan sát tương ứng với 5 mục hỏi trong thang đo về khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề đều đạt yêu cầu, hệ số Alpha của Cronbach trên 0,6 (0,880>0,6). Do đó, chúng tôi đi đến kết luận rằng độ tin cậy của thang đo là có thể chấp nhận được trong đo lường ở khách thể giáo viên tiểu học mới vào nghề.

+ Cách tính điểm: Mỗi câu hỏi trong thang đo đều có 5 mức độ, cụ thể như sau: Không bao giờ (1 điểm); Hiếm khi (2 điểm); thỉnh thoảng (3 điểm); Thường xuyên (4 điểm); Rất thường

xuân (5 điểm). Dựa vào dựa vào kết quả điểm trung bình (ĐTB) cộng đạt được của toàn bộ mẫu nghiên cứu và độ lệch chuẩn (ĐLC) của phân bố kết quả thu được, điểm định lượng của thang đo như sau:

Bảng 3. Thang đánh giá thang đo khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề

Điểm trung bình cộng $X \pm n.DLC$	Thang đánh giá dành cho GVTH mới vào nghề (N=394), ĐTB = 3,18, ĐLC = 0,71
Mức rất thấp: Điểm khó khăn nằm trong khoảng từ 1 đến dưới ĐTB – 2 ĐLC	Mức rất thấp < 1,76
Mức thấp: Điểm khó khăn nằm trong khoảng từ ĐTB – 2 ĐLC đến dưới ĐTB – 1 ĐLC	$1,76 \leq \text{Mức thấp} < 2,47$
Mức trung bình: Điểm khó khăn nằm trong khoảng từ ĐTB – 1 ĐLC đến dưới ĐTB + 1 ĐLC	$2,47 \leq \text{Mức trung bình} < 3,89$
Mức cao: Điểm khó khăn nằm trong khoảng từ ĐTB + 1 ĐLC đến dưới ĐTB + 2 ĐLC	$3,89 \leq \text{Mức cao} < 4,60$
Mức rất cao: Điểm khó khăn nằm trong khoảng từ ĐTB + 2 ĐLC đến 5	$4,60 \leq \text{Mức rất cao} \leq 5,00$

2.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Các dữ liệu thu thập được sẽ được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0 với các phương pháp sau: (1) Tính điểm trung bình (ĐTB), điểm trung bình chung (ĐTB chung) và độ lệch chuẩn (ĐLC) để đánh giá mức độ khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề. Phân tích so sánh trung bình T-test để so sánh sự khác biệt về mức độ khó khăn theo giới tính, địa bàn công tác và phân tích phương sai ANOVA để so sánh mức độ khó khăn theo số năm thâm niên công tác, kết quả xếp loại đại học. Những phương pháp trên giúp đảm bảo phân tích dữ liệu khách quan, từ đó rút ra các kết luận có ý nghĩa thống kê về thực trạng khó khăn của giáo viên tiểu học mới vào nghề tại vùng Đông Nam Bộ.

2.3. Kết quả khảo sát thực trạng mức độ biểu hiện khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề ở các tỉnh vùng Đông Nam Bộ

2.3.1. Thực trạng mức độ biểu hiện khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề

Để tìm hiểu các khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề, chúng tôi thiết lập bảng hỏi để giáo viên tự đánh giá. Kết quả thu được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Mức độ các khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề

Stt	Các mặt biểu hiện	Tự đánh giá của GVTH mới vào nghề (N=394)	
		ĐTB	ĐLC
1	Khó khăn trong việc tìm kiếm, nắm rõ các quy định của nhà trường tiểu học (chuẩn nghề nghiệp, điều lệ trường tiểu học, nội quy làm việc, quy chế chuyên môn,...)	3,12	0,88

2	Khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ dạy học (lập kế hoạch và triển khai bài dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh,...)	3,26	0,83
3	Khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh (lập kế hoạch và triển khai hoạt động giáo dục/công tác chủ nhiệm lớp, quản lí lớp học,...)	3,22	0,85
4	Khó khăn trong giao tiếp với học sinh, phụ huynh học sinh, đồng nghiệp, Ban giám hiệu,...	3,13	0,89
5	Khó khăn trong việc tự học, tự rèn luyện, bồi dưỡng các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp	3,15	0,84
Trung bình chung		3,18	0,75

Kết quả khảo sát trình bày ở Bảng 4 cho thấy, giáo viên tiểu học mới vào nghề tự đánh giá khó khăn gặp phải ở mức trung bình ($\overline{DTB}=3,18$, $\overline{DLC}=0,75$). Điều này cho thấy hầu hết giáo viên tiểu học mới vào nghề đều gặp khó khăn trong thời gian bắt đầu sự nghiệp. Trong đó, khó khăn liên quan đến quá trình thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục học sinh được đánh giá ở mức khó khăn cao nhất: Khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ dạy học (lập kế hoạch và triển khai bài dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh,...) có $\overline{DTB}=3,26$, $\overline{DLC}=0,83$, khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh (lập kế hoạch và triển khai hoạt động giáo dục/công tác chủ nhiệm lớp, quản lí lớp học,...) có $\overline{DTB}=3,22$, $\overline{DLC}=0,85$. Kết quả này hoàn toàn tương đồng với nghiên cứu của các tác giả nước ngoài và trên thế giới về thực trạng mức độ khó khăn giáo viên mới vào nghề phải đối mặt trong những năm đầu tiên bắt đầu sự nghiệp [1], [2], [5], [8], [12]...

Từ Bảng 4, cho thấy rằng giáo viên tiểu học mới vào nghề gặp phải hai khó khăn này thường xuyên hơn so với các khó khăn còn lại bởi vì nhiệm vụ hoạt động dạy học và giáo dục học sinh quan trọng nhất của người giáo viên tiểu học, do đó khó khăn của giáo viên mới vào nghề cũng xuất phát từ nhiệm vụ nghề nghiệp này. Đồng nhất với kết quả nghiên cứu Đinh Quang Báo (2011), Nguyễn Thị Kim Dung (2016) và Đào Thị Oanh (2010) khi nghiên cứu về giáo viên trẻ trong các trường phổ thông cũng chỉ ra rằng họ phải đối mặt với hàng loạt khó khăn trong quá trình giảng dạy và giáo dục học sinh. Những thách thức này bao gồm việc xử lí tình huống sư phạm, tìm hiểu đối tượng giáo dục, quản lí và giáo dục học sinh, thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, xây dựng và truyền đạt nội dung bài giảng một cách hiệu quả, cũng như giao tiếp với học sinh. Bên cạnh đó, giáo viên trẻ cũng gặp khó khăn trong việc sử dụng các phương tiện dạy học, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh, xây dựng và quản lí hồ sơ giáo án, cũng như nắm bắt đặc điểm tâm lí và phân loại học sinh. Ngoài ra, việc tổ chức giờ sinh hoạt lớp, các hoạt động ngoài giờ, giáo dục học sinh cá biệt, tư vấn, hướng dẫn, và áp dụng phương pháp dạy học tích hợp, phân hóa cũng là những trở ngại đáng kể. Trong số đó, các kỹ năng bị đánh giá là yếu nhất bao gồm kỹ năng giáo dục học sinh cá biệt, kỹ năng tư vấn và tham vấn, cũng như kỹ năng thực hiện dạy học phân hóa và tích hợp [16], [17], [18]. Ngoài ra, Feiman - Nemser (2001), S. Veenman (1984) cũng cho rằng nhiều giáo viên mới vào nghề có xu hướng áp dụng các phương pháp dạy học truyền thống trong quá trình giảng dạy cho học sinh thay vì sử dụng những phương pháp dạy học tích cực mà họ đã được lĩnh hội trong quá trình học ở trường đại học vì khiến học sinh ngồi im lặng tại chỗ và do đó họ kiểm soát lớp học hơn [6], [5]. Kết quả điều tra trên cũng cho thấy giáo viên tiểu học mới vào nghề gặp ít khó khăn trong giao tiếp với học sinh, phụ huynh học sinh, đồng nghiệp, Ban giám hiệu,... ($\overline{DTB}=3,13$, $\overline{DLC}=0,89$) so với các khó khăn được nêu ở bảng 4. Kết quả này lại không đồng nhất với nghiên cứu của Elena Krolevetskaya và cộng sự (2020) trên khách thể là giảng viên đại học từ 22 đến 30 tuổi, có kinh nghiệm làm việc từ vài tháng đến 4 năm. Những khó khăn đáng kể nhất đối với giảng viên mới vào nghề là mối quan hệ giáo tiếp nơi làm việc, đặc biệt giữa giáo viên và học sinh chiếm 66,7% [19]. Điều này có thể do

đặc điểm tâm lí khác nhau của đối tượng dạy học, một bên là học sinh nhỏ có độ tuổi từ 6 đến 12 tuổi và một bên là độ tuổi đầu thanh niên từ 18 đến 24 tuổi. Do đó, cũng là giáo viên mới vào nghề nhưng hai cấp dạy (tiểu học, đại học) có mức độ khó khăn không giống nhau về mối quan hệ giao tiếp với người học.

2.3.2. Mức độ biểu hiện khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề theo các biến số

- So sánh mức độ khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề theo biến số thâm niên công tác:

Bảng 5. So sánh các khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp theo biến số thâm niên công tác

Stt	Thâm niên công tác	ĐTB	ĐLC	ANOVA (Sig.)
1	Dưới 1 năm	4,43	0,34	0,000 < 0,05
2	1 đến 2 năm	3,54	0,63	
3	2 đến 3 năm	3,24	0,86	
4	3 đến 4 năm	2,55	0,58	
5	4 đến 5 năm	2,47	0,52	

Ghi chú: Với mức ý nghĩa $p < 0,05$

Kết quả kiểm định cho thấy mức độ khó khăn của giáo viên tiểu học mới vào nghề giảm dần theo thời gian công tác, phản ánh quá trình thích nghi và phát triển năng lực nghề nghiệp của họ. Giáo viên dưới 1 năm công tác có mức độ khó khăn cao nhất (ĐTB=4,43, ĐLC=0,34), trong khi nhóm giáo viên có từ 4 đến 5 năm kinh nghiệm ít gặp khó khăn hơn đáng kể (ĐTB=2,47, ĐLC=0,52). Kết quả này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Nga (2023), cho thấy giáo viên dưới 1 năm công tác phải đối mặt với nhiều thách thức nhất (ĐTB=2,28) so với các nhóm có kinh nghiệm hơn [12]. Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc giáo viên mới vào nghề chưa có đủ kinh nghiệm thực tiễn, còn bỡ ngỡ với môi trường giảng dạy, chưa thành thạo trong quản lí lớp học, xử lí tình huống sư phạm cũng như thích nghi với áp lực công việc. Đặc biệt, giáo viên có dưới 1 năm công tác có thể gặp "cú sốc thực tiễn" khi phải áp dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế giảng dạy, chưa có sự hỗ trợ chuyên môn đầy đủ hoặc chưa xây dựng được mối quan hệ vững chắc với đồng nghiệp, phụ huynh và học sinh. Sự giảm dần mức độ khó khăn theo số năm công tác có thể được lí giải bởi quá trình học hỏi, tích lũy kinh nghiệm và thích nghi dần với môi trường làm việc. Những giáo viên có từ 4 đến 5 năm kinh nghiệm đã dần quen với yêu cầu nghề nghiệp, tự tin hơn trong việc quản lí lớp học, thiết kế bài giảng và tương tác với học sinh cũng như đồng nghiệp. Điều này cho thấy tầm quan trọng của các chương trình hỗ trợ giáo viên mới vào nghề, giúp họ rút ngắn thời gian thích nghi, nâng cao năng lực chuyên môn và giảm bớt áp lực trong giai đoạn đầu công tác.

- So sánh mức độ khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề theo biến số giới tính, địa bàn công tác:

Bảng 6. So sánh các khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp theo biến số giới tính, địa bàn công tác

Stt	Các giá trị	Giới tính		Địa bàn công tác	
		Nam	Nữ	Thành phố, thị xã	Nông thôn
1	ĐTB	3,23	3,28	3,31	3,22
2	ĐLC	0,88	0,95	1,04	0,82
3	Sig. (2-tailed)	0,096 > 0,05		0,000 < 0,05	

Ghi chú: Với mức ý nghĩa $p < 0,05$

Kết quả kiểm định cho thấy, nhìn chung, mức độ khó khăn trong việc thích ứng với hoạt động nghề nghiệp giữa giáo viên nam và nữ không có sự khác biệt đáng kể, nhưng có sự khác biệt giữa giáo viên theo địa bàn công tác. Cụ thể, giáo viên tiểu học mới vào nghề tại các khu vực thành phố, thị xã (ĐTB = 3,31, ĐLC = 1,04) có mức độ khó khăn cao hơn so với giáo viên tại địa bàn nông thôn (ĐTB = 3,22, ĐLC = 0,82). Nguyên nhân của sự khác biệt này có thể xuất phát từ nhiều lí do như các trường học ở khu vực thành thị thường có sĩ số lớp học đông, khối lượng công việc lớn dẫn đến áp lực giảng dạy và quản lí lớp học cao hơn so với giáo viên ở nông thôn đồng thời khu vực thành thị có sự đa dạng về văn hóa, trình độ và điều kiện kinh tế của học sinh, đòi hỏi giáo viên phải có kỹ năng sư phạm và quản lí lớp học tốt hơn. Việc cá nhân hóa phương pháp giảng dạy để phù hợp với từng đối tượng học sinh cũng tạo ra nhiều thách thức hơn,... hoặc giáo viên ở thành thị có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh cao trong nghề nghiệp, áp lực từ phụ huynh và nhà trường, cũng như yêu cầu đánh giá khắt khe hơn so với giáo viên ở vùng nông thôn. Như vậy, cả giáo viên nam và nữ đều gặp những khó khăn tương đương trong quá trình thích ứng với nghề, tương tự kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Nga (2023) [12]. Tuy nhiên, sự khác biệt về mức độ khó khăn theo địa bàn công tác có thể phản ánh đặc trưng riêng của từng khu vực, cho thấy giáo viên ở thành thị phải đối mặt với nhiều thách thức hơn trong quá trình giảng dạy và thích nghi với môi trường làm việc.

- So sánh mức độ khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề theo biến số kết quả tốt nghiệp đại học:

Bảng 7. So sánh các khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp theo biến số kết quả tốt nghiệp đại học

Stt	Kết quả tốt nghiệp đại học	ĐTB	ĐLC	ANOVA (Sig.)
1	Trung bình	3,45	0,85	0,171 > 0,05
2	Khá	3,28	0,93	
3	Giỏi	3,14	0,83	
4	Xuất sắc	2,90	1,18	

Ghi chú: Với mức ý nghĩa $p < 0,05$

Kết quả kiểm định cho thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa mức độ gặp phải khó khăn thích ứng nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề và kết quả xếp loại tốt nghiệp. Thông thường, một giả thuyết phổ biến là giáo viên tốt nghiệp loại giỏi hoặc xuất sắc sẽ có khả năng thích ứng nghề nghiệp tốt hơn do nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc và kỹ năng sư phạm được rèn luyện tốt hơn trong quá trình đào tạo. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này lại cho thấy kết quả học tập trong trường sư phạm không phải là yếu tố quyết định duy nhất đến khả năng thích ứng với nghề. Điều này gợi mở rằng cần có các nghiên cứu khác để làm rõ hơn về mối quan hệ giữa thành tích học tập trong đào tạo sư phạm và khả năng thích ứng với môi trường giảng dạy thực tế. Mặt khác, kết quả này cho thấy rằng để nâng cao khả năng thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mới vào nghề, cần chú trọng nhiều hơn vào việc rèn luyện kỹ năng thực tiễn ngay từ giai đoạn đào tạo sư phạm. Các chương trình thực tập, hướng dẫn nghề nghiệp, cũng như các hoạt động hỗ trợ sau khi ra trường sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc giúp giáo viên vượt qua những thách thức ban đầu. Ngoài ra, điều này cũng gợi ý rằng các trường học không nên chỉ đánh giá năng lực giáo viên mới vào nghề dựa trên kết quả tốt nghiệp, mà cần có các chương trình hỗ trợ thích ứng nghề nghiệp một cách linh hoạt, tập trung vào việc phát triển kỹ năng thực tiễn, tâm lí sư phạm và khả năng làm việc trong môi trường thực tế.

Như vậy, số năm công tác khác nhau dẫn đến mức độ khó khăn gặp phải ở mức độ khác nhau, số năm công tác càng cao thì mức độ khó khăn càng giảm do quá trình giáo viên tích lũy kinh nghiệm, học hỏi và rèn luyện tay nghề. Đồng thời, địa bàn công tác khác nhau giữa thành phố, thị xã và nông thôn cũng chi phối đến mức độ khó khăn vì mỗi địa bàn có đặc trưng riêng về mức độ thực hiện các quy định của ngành (chỉ tiêu, thành tích đạt được). Bên cạnh đó, các biến

số còn lại như giới tính và kết quả tốt nghiệp đại học đều không có sự khác biệt về mức độ khó khăn gặp phải trong quá trình thích ứng với hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học mới vào nghề.

3. Kết luận

Giáo viên mới vào nghề là những người vừa bắt đầu sự nghiệp giảng dạy với kinh nghiệm dưới 5 năm thường gặp khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp. Khó khăn của giáo viên mới vào nghề được hiểu là những trở ngại xuất phát từ hoàn cảnh, điều kiện làm việc, yêu cầu của công việc và từ phía chủ quan của họ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy, đa số giáo viên tiểu học mới vào nghề đều gặp năm nhóm khó khăn như sau: (1) Khó khăn trong việc tìm hiểu về nghề; (2) Khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ dạy học; (3) Khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh; (4) Khó khăn trong giao tiếp với các mối quan hệ trong công việc; (5) Khó khăn trong tự bồi dưỡng bản thân. Trong đó mức độ khó khăn có xu hướng giảm dần theo số năm công tác, và có sự khác biệt giữa giáo viên tiểu học mới vào nghề theo địa bàn công tác trong đó thành phố, thị xã có mức độ khó khăn cao hơn ở nông thôn. Tuy nhiên, mức độ khó khăn không có sự khác biệt giữa giáo viên nam và giáo viên nữ cũng như không có sự khác biệt giữa giáo viên có kết quả xếp loại đại học (xuất sắc, giỏi, khá, trung bình) Nhằm giúp giáo viên tiểu học mới vào nghề nhanh chóng ổn định và phát triển trong môi trường làm việc mới, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị về chính sách hỗ trợ như sau:

Thứ nhất, hỗ trợ tài chính và phúc lợi: Nhà trường cần có những chính sách hỗ trợ tài chính cho giáo viên mới vào nghề, đặc biệt ở khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn và xây dựng chính sách hỗ trợ nhà ở hoặc trợ cấp thuê nhà cho giáo viên công tác tại các thành phố lớn và khu vực nông thôn.

Thứ hai, đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn: Nhà trường tổ chức đa dạng các hình thức hỗ trợ chuyên môn như cử giáo viên có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn, kèm cặp giáo viên mới vào nghề về quản lý lớp học, phương pháp giảng dạy, và cách xử lý các tình huống trong lớp; tổ chức các lớp tập huấn tại trường, hội giảng, hội thảo chuyên đề nhằm tạo cơ hội cho giáo viên trao đổi, học hỏi lẫn nhau.

Thứ ba, giảm tải áp lực công việc: Nhà trường có chế độ giảm bớt các thủ tục hành chính, hồ sơ sổ sách để giáo viên có nhiều thời gian hơn cho công tác giảng dạy. Đồng thời nhà trường cần xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện để giáo viên mới vào nghề không cảm thấy căng thẳng trong quá trình làm việc, giao tiếp với đồng nghiệp, với các cấp quản lý trong nhà trường.

Việc triển khai các chính sách trên không chỉ giúp giáo viên tiểu học mới vào nghề vượt qua khó khăn mà còn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tạo động lực và sự gắn bó lâu dài với nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Polyakova TS, (1983). *Analysis of difficulties in the teaching activities of beginning teachers*, Place of publication: Pedagogy (in Russian).
- [2] Bình NT, (1984). *Sự thích ứng nghề nghiệp của giáo viên trẻ (từ 1 đến 5 năm tuổi nghề) dạy môn toán ở một số trường phổ thông cơ sở huyện Từ Liêm - Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3] Fedorenko AV, (2010). *Features of adaptation of a teacher-psychologist to professional activity*, In the *World of Scientific Discoveries*, 2-2(8), 92–94 (in Russian).
- [4] Johnson SM, (2004). *Finders and keepers: Helping new teachers survive and thrive in our schools*. San Francisco: John Wiley & Sons, <https://doi.org/10.1080/1360144X.2016.1218882>

- [5] Veenman, S. (1984). Perceived problems of beginning teachers. *Review of educational research*, 54(2), 143-178. <https://doi.org/10.3102/00346543054002143>
- [6] Feiman-Nemser, S. (2001). From preparation to practice: Designing a continuum to strengthen and sustain teaching. *Teachers College Record*, 103(6), 1013-1055.
- [7] Markova AK, (1993). *Psychology of teacher work, Books for teachers, Place of publication: Education (Psychological Sciences - School)* (in Russian).
- [8] Nikolskaya OL, (2000). *Overcoming didactic difficulties as a condition for the development of a teacher's creative potential* [PhD Thesis, Tomsk State Pedagogical University], <https://elibrary.ru/item.asp?id=15985414> (in Russian).
- [9] Bryan Goodwin (2012). Research Says / New Teachers Face Three Common Challenges.
- [10] McCain A, (2023). 30 Incredible Teacher Statistics [2023]: Demographics, Salary, and The U.S. Teacher Shortage. Zippia. <https://www.zippia.com/advice/teacher-statistics/>
- [11] Estelle De Houck, (2022). Entre instabilité et manque d'écolage, les jeunes enseignants sont nombreux à abandonner en début de carrière—RTBF Actus. <https://www.rtbf.be/article/entre-instabilite-et-manque-d-ecolage-les-jeunes-enseignants-sont-nombreux-a-abandonner-en-debut-de-carriere-10932347>
- [12] Nga NTT, (2023). *Thực trạng thích ứng với hoạt động dạy học của giáo viên tiểu học mới vào nghề*. NXB Khoa học Xã hội.
- [13] Le Thuy L. (2022). Difficulties facing novice teacher-researchers in terms of working conditions and the support they need. *VNU Journal of Foreign Studies*, 38(3).
- [14] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018). Thông tư ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, ban hành tại Số: 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/08/2018.
- [15] Cristobal E, Flavian C & Guinaliu M, (2007). Perceived e-service quality (PeSQ) measurement validation and effects on consumer satisfaction and web site loyalty. *Managing service quality: An International Journal*, 17(3), 317-340.
- [16] Bao DQ, (2011). *Thực trạng đào tạo giáo viên phổ thông ở Việt Nam*, Báo cáo kết quả tại Hội thảo về đào tạo giáo viên, Đề tài cấp Nhà nước, Quỹ Hòa bình và phát triển Việt Nam.
- [17] Dung NTK, (2016). +Thực trạng năng lực sư phạm của đội ngũ giáo viên trẻ trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông”. Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [18] Oanh DT, (2010). “Nhu cầu của giáo viên trẻ đối với nội dung rèn luyện nghiệp vụ sư phạm”. Kỉ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các trường đại học sư phạm*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [19] Krolevetskaya E, Nedostupenko D, Shekhovskaya N & Muromtseva O, (2021, March). Adaptation of a young college teacher to professional activity. In *VIII International Scientific and Practical Conference 'Current problems of social and labour relations' (ISPC-CPSLR 2020)* (pp. 418-422). Atlantis Press.